

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 01 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương;

2. Ông Đặng Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST-HNGĐ ngày 26-12-2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 27/TB-TA ngày 26-12-2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt có lý do).

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2024 và bản tự khai ngày 01-11-2024 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Ngô Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cổ Phúc, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 19-6-2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 22 ngày 19-6-2018). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn 8, xã Minh Quán, huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái. Tôi xác định tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01-2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được, kể từ khoảng thời gian đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi (Tr) xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết cho tôi được ly hôn chị Ngô Thị Th.

Về con chung: Tôi và chị Ngô Thị Th có 02 con chung là Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 19-4-2006 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31-01-2014. Ly hôn, do con Nguyễn Khánh Ng đã trưởng thành tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con Nguyễn Ngọc A tôi giao cho chị Ngô Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 01-11-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Ngô Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi công nhận lời trình bày của anh Nguyễn Thành Tr về thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Tôi xác định tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc gần đến tháng 05-2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa tôi và anh Tr tính tình không hợp nhau. Đến nay, Tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi đề nghị anh Tr rút đơn, không đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Thành Tr.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Thành Tr có 02 con chung là Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 19-4-2006 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31-01-2014, nêu anh Tr đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì con Nguyễn Khánh Ng đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con Nguyễn Ngọc A, tôi có nguyện vọng nhận trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành Tr có đơn xin ly hôn với chị Ngô Thị Th, nơi cư trú: Tổ dân phố số 6, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành Tr có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn chị Ngô Thị Th được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành Tr và chị Ngô Thị Th có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 19-6-2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, đến nay cả vợ chồng không ai quan tâm đến nhau. Nay anh Nguyễn Thành Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn chị Ngô Thị Th. Chị Ngô Thị Th xác định tình cảm vợ chồng với anh Tr vẫn còn nên không đồng ý ly hôn nhưng chị Th không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng trong hôn nhân của anh Nguyễn Thành Tr và chị Ngô Thị Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xử cho anh Nguyễn Thành Tr được ly hôn chị Ngô Thị Th theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Thành Tr và chị Ngô Thị Th có 02 con chung là Nguyễn Khánh Ng, sinh ngày 19-4-2006 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31-01-2014. Ly hôn, do cháu Nguyễn Khánh Ng đã thành niên, anh Tr và chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét còn con Nguyễn Ngọc A chưa thành niên, nay vợ chồng ly hôn anh Tr và chị Th đều đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu A. Xét thấy anh Nguyễn Thành Tr và chị Ngô Thị Th đều có công việc ổn định và có thu nhập đủ điều kiện để nuôi dạy con chung, tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc A ngày 01-11-2024 cháu A có nguyện vọng ở với mẹ, tại phiên hòa giải ngày 04-12-2024 anh Tr và chị Th thống nhất thỏa thuận chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A, anh Nguyễn Thành Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử, xử giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc A. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc A.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Thành Tr và chị Ngô Thị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thành Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành Tr được ly hôn chị Ngô Thị Th.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 31-01-2014 cho chị Ngô Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu (A) đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Thành Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số AA/2024/0000557 ngày 25-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND TT Cổ Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh